

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ KON TUM
TỈNH KON TUM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 39/2024/HS-ST.

Ngày: 11/3/2024.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ KON TUM - TỈNH KON TUM**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Long.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Huỳnh Văn và bà Trịnh Thị Thanh Hải.

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Hà Anh – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Kon Tum.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Kon Tum tham gia phiên tòa:
Bà Nguyễn Thị Tuyết Nhung - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 3 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 18/2024/TLST-HS ngày 21 tháng 02 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 35/2024/QĐXXST-HS ngày 26 tháng 02 năm 2024 đối với bị cáo:

Nguyễn Tấn K (tên gọi khác: Khơ me), sinh ngày 12 tháng 3 năm 1982 tại Kon Tum; Nơi cư trú: Thôn Phương Q 2, xã Vinh Q, thành phố Kon T, tỉnh Kon Tum; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hoá: 11/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Công giáo; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Văn K, sinh năm 1959 và bà Đoàn Thị Minh T, sinh năm 1963; Bị cáo có vợ là chị Nguyễn Thị Thanh T, sinh năm 1988 (đã ly hôn) và 01 con, sinh năm 2008; Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “*Cấm đi khỏi nơi cư trú*” từ ngày 08/12/2023 đến nay. Bị cáo có mặt.

- Bị hại: Ông Nguyễn Vinh T, sinh năm 1972 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Thôn 2, xã Đăk C, thành phố Kon T, tỉnh Kon Tum.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1/ Anh Nguyễn Đình C, sinh năm 1995 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Số 392 Bà T, phường Quang T, thành phố Kon T, tỉnh Kon Tum.

2/ Ông Nguyễn Văn K, sinh năm 1959 (Xin xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: Thôn Phương Q 2, xã Vinh Q, thành phố Kon T, tỉnh Kon Tum.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ

án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 15 giờ 00 phút, ngày 18/11/2023, bị cáo Nguyễn Tấn K điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 82H2-1957, màu đen, đến địa bàn xã Đăk C, thành phố Kon T, tỉnh Kon Tum để tìm việc làm. Khi đi trên đường, xe của K bị hư nên K dắt xe đến tiệm sửa xe “T” của ông Nguyễn Vinh T (Thôn 2, xã Đăk C, thành phố Kon T, tỉnh Kon Tum) để sửa xe. Quá trình ông T đang sửa xe thì K phát hiện 01 điện thoại di động, nhãn hiệu Vsmart, màu xanh, để trên ghế, ở sau lưng ông T. Lợi dụng lúc ông T không để ý, K lấy trộm điện thoại, cất trong túi quần. Sau khi sửa xe xong, K điều khiển xe mô tô đi về nhà. Đến khoảng 10 giờ 00 phút, ngày 19/11/2023, K mang điện thoại trên đến tiệm điện thoại bán cho anh Nguyễn Đình C (Số 392 Bà T, phường Quang T, thành phố Kon T, tỉnh Kon Tum) với giá 500.000 đồng. Khi bán điện thoại, K khai tên là Đ để ghi biên nhận.

*Kết luận định giá số 110/KL-HĐ ngày 23/11/2023 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự, thành phố Kon Tum kết luận: Tổng giá trị tài sản còn lại tính đến thời điểm bị chiếm đoạt 01 điện thoại di động, nhãn hiệu VSmart, kiểu máy Active 3, màu xanh là **2.642.000 đồng**.

*Về vật chứng: Quá trình điều tra, Cơ quan CSĐT – Công an thành phố Kon Tum đã tạm giữ và xử lý vật chứng như sau:

- 01 điện thoại di động, nhãn hiệu VSmart, kiểu máy Active 3, màu xanh (đã qua sử dụng): Trả lại cho ông Nguyễn Vinh T.

- 01 xe mô tô biển kiểm soát 82H2-1957, màu đen (đã qua sử dụng): Trả lại cho ông Nguyễn Văn K.

*Về trách nhiệm dân sự: Ông Nguyễn Vinh T đã nhận lại điện thoại. Anh Nguyễn Đình C đã nhận số tiền 500.000 đồng. Ông T và anh C không yêu cầu gì thêm.

*Cáo trạng số 36/CT-VKSTPKT ngày 20/02/2024 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Kon Tum truy tố bị cáo Nguyễn Tấn K về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

*Tại phiên tòa, Kiểm sát viên trình bày lời luận tội, giữ nguyên quan điểm truy tố như bản Cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Nguyễn Tấn K phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”. Đề nghị áp dụng: Khoản 1 Điều 173, các điểm b, h, i, s khoản 1 Điều 51 và Điều 65 Bộ luật Hình sự năm 2015; đề nghị xử phạt bị cáo từ 06 đến 09 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 12 đến 18 tháng. Không áp dụng hình phạt bổ sung. Về án phí: Bị cáo phải chịu theo quy định.

*Tại phiên tòa, bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội, như nội dung Cáo trạng đã truy tố. Bị cáo không có ý kiến tranh luận. Bị cáo nói lời sau cùng, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được

tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan CSĐT – Công an thành phố Kon Tum, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Kon Tum, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định tại Bộ luật Tố tụng hình sự. Hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về nội dung vụ án: Trên cơ sở lời khai của bị cáo, những người tham gia tố tụng khác và chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã xác định:

Vào khoảng 15 giờ 30 phút, ngày 18/11/2023, lợi dụng sơ hở của chủ sở hữu ông Nguyễn Vinh T trong lúc sửa xe, không để ý nên bị cáo Nguyễn Tấn K đã lén lút trộm cắp 01 điện thoại di động, nhãn hiệu VSmart, kiểu máy Active 3, màu xanh có giá trị tại thời điểm bị chiếm đoạt là **2.642.000 đồng**. Sau đó, bị cáo mang chiếc điện thoại này, bán cho anh Nguyễn Đình C với giá 500.000 đồng. Số tiền này, bị cáo đã tiêu xài cá nhân hết. Hành vi của bị cáo Nguyễn Tấn K đã phạm vào tội “*Trộm cắp tài sản*”, thuộc trường hợp “*trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng*”, quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự. Do đó, Cáo trạng số 36/CT-VKSTPKT ngày 20/02/2024 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Kon Tum đã truy tố bị cáo Nguyễn Tấn K là đúng người, đúng tội và có căn cứ pháp luật.

[3] Về tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo, thấy rằng: Bị cáo Nguyễn Tấn K là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, đã thực hiện hành vi phạm tội với lỗi cố ý trực tiếp. Mục đích bị cáo trộm cắp tài sản là để có tiền tiêu xài cá nhân. Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, cố ý xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ, gây ảnh hưởng xấu đến an ninh trật tự trên địa bàn thành phố Kon Tum. Việc truy tố và đưa bị cáo ra xét xử nhằm tuyên truyền pháp luật và răn đe, phòng ngừa chung đối với tình hình tội phạm hiện nay là cần thiết.

[4] Xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân bị cáo Nguyễn Tấn K, thấy rằng:

Về tình tiết tăng nặng: Không có. Về nhân thân: Bị cáo có nhân thân tốt, phạm tội lần đầu.

Về tình tiết giảm nhẹ: Sau khi phạm tội, tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn khai báo, thể hiện thái độ ăn năn hối cải. Bị cáo đã trả lại cho anh Nguyễn Đình C số tiền 500.000 đồng để khắc phục hậu quả của hành vi. Bị cáo phạm tội nhưng gây thiệt hại không lớn; phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Đây là các tình tiết giảm nhẹ, quy định tại các điểm s, b, h và i khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[5] Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử nhận thấy, cần phải có một bản án với mức án tương xứng, phù hợp với hành vi phạm tội của bị cáo. Không cần cách ly bị cáo Nguyễn Tấn K với đời sống xã hội cũng đủ điều kiện để giáo dục, cải tạo bị cáo biết tuân thủ pháp luật, tôn trọng tài sản của người khác. Do bị cáo là lao

động tự do, thu nhập không ổn định nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền.

[6] Ngoài ra, trong vụ án này, anh Nguyễn Đình C là người đã mua điện thoại của bị cáo nhưng anh C hoàn toàn không biết điện thoại là do bị cáo phạm tội mà có. Ông Nguyễn Văn K là người cho bị cáo mượn xe mô tô nhưng ông K hoàn toàn không biết bị cáo sử dụng xe mô tô làm phương tiện đi trộm cắp tài sản. Cơ quan CSĐT không xử lý đối với anh C và ông K là phù hợp.

[7] Về vật chứng: 01 điện thoại di động, nhãn hiệu VSmart, kiểu máy Active 3, màu xanh: Cơ quan CSĐT đã trả lại cho ông Nguyễn Vinh T; 01 xe mô tô biển kiểm soát 82H2-1957, màu đen: Cơ quan CSĐT đã trả lại cho ông Nguyễn Văn K là phù hợp. Các chủ sở hữu đã nhận lại tài sản và không yêu cầu gì thêm nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[8] Về trách nhiệm dân sự: Ông Nguyễn Vinh T đã nhận lại điện thoại; Anh Nguyễn Đình C đã nhận lại số tiền 500.000 đồng. Ông T và anh C không yêu cầu gì thêm nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[9] Về án phí: Bị cáo Nguyễn Tấn K phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh.

Tuyên bố bị cáo **Nguyễn Tấn K** (Tên gọi khác: Khơ me) phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”.

2. Về hình phạt.

Áp dụng khoản 1 Điều 173, các điểm b, h, i, s khoản 1 Điều 51 và Điều 65 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Tấn K **06 (Sáu)** tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là **12 (Mười hai)** tháng, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 11/3/2024).

Giao bị cáo Nguyễn Tấn K cho Ủy ban nhân dân xã Vinh Q, thành phố Kon T, tỉnh Kon Tum để giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo. Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của Luật Thi hành án hình sự năm 2019.

Trong thời gian thử thách, nếu bị cáo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt tù của Bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp thực hiện hành vi phạm tội mới thì Tòa án buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt của Bản án này và tổng hợp với hình phạt của Bản án mới theo quy định tại Điều 56 của Bộ luật Hình sự.

3. Về án phí: Căn cứ các Điều 135 và 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; các Điều 6, 21 và 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Bị cáo Nguyễn Tấn K phải chịu 200.000 đồng (*Hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo, thời hạn kháng cáo: Căn cứ các Điều 331 và 333 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015. Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (11/3/2024), bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt có quyền kháng cáo bản án theo trình tự phúc thẩm. Trường hợp vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Kon Tum;
- VKSND tỉnh Kon Tum;
- VKSND TP Kon Tum;
- Công an TP Kon Tum;
- Chi cục THADS TP Kon Tum;
- Sở Tư pháp tỉnh Kon Tum;
- Bị cáo; Bị hại; NLQ;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Nguyễn Văn Long